

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2018/DS-PT

Ngày: 14 - 9 -2018

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hằng**

Các Thẩm phán:

-Ông Huỳnh Hiếu

-Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 233/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trương Thị Q**, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Khu P, xã Hòa H, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1/ **Lê Tiến D**, sinh năm 1968 (có mặt);

2/ **Nguyễn Thị P (T)**, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 12, ấp Khu P, xã Hòa H, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn **Lê Tiến D, Nguyễn Thị P (T)**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Trương Thị Q trình bày: Bà và vợ chồng ông Lê Tiến D, bà Nguyễn Thị P là hàng xóm với nhau nên ngày 01/9/2017 ông D, bà P có hỏi bà vay số tiền 250.000.000 đồng khi vay ông D, bà P có làm biên nhận cho bà, hai bên thỏa thuận lãi suất là 100.000 đồng/ngày/250.000.0000 đồng, thời gian tính

lãi từ 01/10/2017, thời hạn vay không xác định. Sau khi vay ông D, bà P có trả cho bà 03 tháng tiền lãi là 9.000.000 đồng rồi ngưng trả lãi cho bà từ ngày 01/01/2018 đến nay; Ông D, bà P chưa trả vốn cho bà. Nay bà xác định ông D, bà P còn nợ bà 250.000.000 đồng. Bà yêu cầu ông D, bà P trả bà số tiền 250.000.000 đồng làm 03 lần cụ thể: Lần 1 sau khi bản án có hiệu lực pháp luật 1 tháng ông D, bà P trả cho bà 100.000.000 đồng, lần 2: Trong vòng 03 tháng kể từ lần trả thứ nhất ông D, bà P trả cho bà 100.000.000 đồng, lần 3: Trong vòng 3 tháng kể từ lần trả thứ hai ông D, bà P trả cho bà 50.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Tiến D, bà Nguyễn Thị P thống nhất trình bày: Ông, bà có vay của bà Trương Thị Q nhiều lần tiền từ năm 2013 đến ngày 11/9/2017 ông bà viết biên nhận cho bà Q số tiền vay là 250.000.000 đồng. Ông bà và bà Q thỏa thuận miệng mức lãi suất là 250.000 đồng/ngày/250.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả, từ năm 2014 đến 2015 với mức lãi suất 250.000 đồng/ngày/250.000.000 đồng, từ năm 2015 đến năm 2016 ông, bà trả lãi cho bà Q với mức lãi suất 200.000 đồng/ngày/250.000.000 đồng, từ năm 2016 đến ngày viết biên nhận ông, bà trả lãi cho bà Q với mức lãi là 100.000 đồng/ngày/250.000.000 đồng, các lần trả lãi ông bà và bà Q không có làm giấy tờ gì. Từ khi vay đến nay ông bà chưa trả tiền vốn cho bà Q. Nay ông bà xác định còn nợ bà Quang 250.000.000 đồng, ông bà đồng ý trả bà Q số tiền này nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết 250.000.000 đồng, xin không trả lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 112/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Q.

Buộc ông Lê Tiến D, bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả bà Trương Thị Q số tiền vay còn nợ là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) làm 03 lần như sau:

Lần 01: Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật 1 tháng ông D, bà P trả cho bà 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Lần 02: Trong vòng 03 tháng kể từ lần trả thứ nhất ông D, bà P trả cho bà 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Lần 03: Trong vòng 3 tháng kể từ lần trả thứ hai ông D, bà P trả cho bà 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Trương Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Tiến D và bà Nguyễn Thị P chậm thi hành án đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/7/2018, bị đơn ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin trả dần số tiền nợ cho bà Q vì hiện nay gia đình thật sự khó khăn và xin miễn giảm 1 phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Tiến D, bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không bổ sung gì thêm yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng qui định của pháp luật.

-Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Lê Tiến D và bà Nguyễn Thị P (T) đã thừa nhận có vay của bà Trương Thị Q 250.000.000đồng. Nay ông D và bà P đồng ý hoàn trả lại số tiền vay này cho bà Q nhưng xin trả dần hàng tháng là 2.000.000đồng, bà Q không đồng ý cho trả dần. Xét thấy phía bị đơn là người vi phạm hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nay phía bị đơn kháng cáo yêu cầu được trả dần số nợ là không phù hợp với quy định của pháp luật. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, nên không chấp nhận. Đối với yêu cầu kháng cáo xin miễn một phần án phí DSST do có khó khăn về kinh tế, yêu cầu kháng cáo này của bị đơn cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 112/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tiến D, bà Nguyễn Thị P, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa bà Trương Thị Q và vợ chồng ông Lê Tấn D, bà Nguyễn Thị P là quan hệ tranh chấp về “ Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS là

có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của ông Lê Tiến D và bà Nguyễn Thị P hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là ông Lê Tiến D và bà Nguyễn Thị P đều thừa nhận vợ chồng ông, bà có vay của bà Trương Thị Q 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), nay bà Quang khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà phải trả lại 250.000.000đồng, vợ chồng ông, bà xin trả dần số nợ này hàng tháng là 2.000.000đồng, trả khi nào hết nợ thì thôi. Như vậy phía nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền vay với nhau, không thống nhất được với nhau về phương thức trả nợ. Ông D và bà P xin dần hàng tháng là 2.000.000đồng, bà Trương Thị Q thì không đồng ý cho ông D và bà P trả dần hàng tháng là 2.000.000đồng

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tiến D và bà Nguyễn Thị P. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình thực hiện hợp đồng phía vợ chồng ông D và bà P đã vi phạm hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q. Nay bà Q cũng đã tạo điều kiện cho ông D và bà P trả nợ bằng cách bà Q cho ông D và bà P trả số nợ trên làm 03 lần nên việc ông D và bà P xin trả dần hàng tháng là 2.000.000đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D và bà P. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông D và bà P đề nghị tòa phúc thẩm xem xét miễn, giảm một phần án phí DSST với lý do là do điều kiện kinh tế hiện nay của ông bà có khó khăn nên vợ chồng ông, bà kháng cáo xin được miễn, giảm một phần án phí DSST. Xét yêu cầu kháng cáo này của ông D và bà P là không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi theo quy định tại Điều 12, 13 Nghị quyết số 321/2016/ UBTUQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì vợ chồng ông, bà không thuộc trường hợp được miễn, giảm tiền án phí, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của vợ chồng ông, bà. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 112/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 148 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về án phí DSST: Ông D và bà P phải chịu 12.500.000đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí DSST.

+ Về án phí DSPT:

- Ông D phải chịu 300.000đồng, ông D đã tạm nộp 300.000đồng (biên lai thu số 08950 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), nay khấu trừ xem như ông D đã nộp xong tiền án phí DSPT.

- Bà P phải chịu là 300.000đồng, bà P đã tạm nộp 300.000đồng (biên lai thu số 08949 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), nay khấu trừ xem như bà P đã nộp xong tiền án phí DSPT.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tiến D và bà Nguyễn Thị P (tự Th).

- Giữ bản án dân sự sơ thẩm số 112/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

+ Áp dụng Điều 148; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015

+ Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử :

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Q.

- Buộc ông Lê Tiến D, bà Nguyễn Thị P (T) phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trương Thị Q số tiền vay còn nợ là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) làm 03 lần cụ thể như sau:

+ **Lần 01:** Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật 1 tháng thì ông D, bà P trả cho bà Q 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

+ **Lần 02:** Trong vòng 03 tháng kể từ lần trả thứ nhất, ông D, bà P trả cho bà Q 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

+ **Lần 03:** Trong vòng 3 tháng kể từ lần trả thứ hai, ông D, bà P trả cho bà Q 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Trương Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Tiến D và bà Nguyễn Thị P chậm thi hành án đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

+ Về án phí DSST:

- Ông D và bà P phải chịu 12.500.000đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí DSST

- Bà Trương Thị Q không phải chịu án phí DSST, hoàn trả lại cho bà Q 6.625.000đồng (sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số 08653 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án DS huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

+ Về án phí DSPT:

- Ông D phải chịu 300.000đồng, ông D đã tạm nộp 300.000đồng (biên lai thu số 08950 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), nay khấu trừ xem như ông D đã nộp xong tiền án phí DSPT.

- Bà P phải chịu là 300.000đồng, bà P đã tạm nộp 300.000đồng (biên lai thu số 08949 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), nay khấu trừ xem như bà P đã nộp xong tiền án phí DSPT.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng